

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA TRI
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2023/HS-ST
Ngày 20-9-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Tấn Tài.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Ton.

2. Bà Huỳnh Thị Bích Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Hữu Lộc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Nguyễn Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 32/2023/TLST-HS ngày 11 tháng 8 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2023/QĐXXST-HS ngày 21/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/HSST-QĐ ngày 06/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri đối với bị cáo:

Hồ Thành T, sinh năm 1982; Tên gọi khác: T; Nơi sinh: tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: Khu phố 1, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hồ Văn A và bà Võ Thị L; Vợ, con: Chưa có; Có 03 chị em, lớn sinh năm 1977, nhỏ sinh năm 1986; Tiền án: Ngày 28/8/2003, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999 tại Bản án hình sự sơ thẩm số 154/HSST; Tiền sự: Không; Nhân thân: Lúc nhỏ sống với cha mẹ, học văn hóa đến lớp 12 thì nghỉ học ở nhà phụ giúp gia đình. Ngày 28/8/2003, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 và chấp hành án phạt tù tại Trại giam

Châu Bình, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, đến ngày 06/02/2009 chấp hành xong hình phạt trở về địa phương sinh sống cho đến ngày phạm tội. Bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 08/02/2023 cho đến nay tại thị trấn Ba Tri, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. (Bị cáo có mặt).

- Người bào chữa cho bị cáo:

1. Luật sư Đồng Hải Đ – Công ty Luật TNHH MTV T&Q, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

2. Luật sư Phạm Thị Ngọc T - Công ty Luật TNHH MTV T&Q, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt).

- Bị hại:

1. Ngô Văn C, sinh năm 1963; (Vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt).

Nơi cư trú: Khu phố 4, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Nguyễn Tú A, sinh năm 1990; (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Khu phố 1, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Võ Thị L, sinh năm 1960; (có mặt).

Nơi cư trú: Khu phố 1, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Người làm chứng:

1. Nguyễn Nguyên B, sinh năm 1980; (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Số 13.2 Khối B - CC307 đường Nguyễn Duy Trinh, phường B, Thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Phạm Hồng H, sinh năm 1968; (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Khu phố 4, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

3. Phạm Viết H, sinh năm 1959; (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Khu phố 2, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồ Thành T – sinh năm 1982, cư ngụ khu phố 1, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre là đối tượng đang có tiền án về tội rất nghiêm trọng do cố ý chưa được xóa án tích. Vào khoảng 22 giờ 40 phút ngày 17/8/2009, Hồ Thành T cầm 02 con dao từ nhà đi bộ đến cây xăng của ông H thuộc khu phố 2, thị trấn Ba, T thấy ông Ngô Văn C – sinh năm 1963 cư ngụ khu phố 4, thị trấn B đang dựng xe mô tô biển số 71S5-7289 để đổ xăng trong cây xăng, trên xe còn gắn chìa khóa nên Hồ Thành T dùng dao khống chế rồi cướp lấy xe của ông C điều khiển về hướng xã A. Khi gần đến ngã tư xã A thuộc ấp AL, xã A, huyện Ba Tri thì Hồ Thành T phát hiện chị Nguyễn Tú A – sinh năm 1990, cư ngụ khu phố 1, thị trấn B đang điều khiển xe mô tô biển số 71S4-4300 chở theo chị Võ Thị Ngọc M -

sinh năm 1971 cư ngụ khu phố 2, thị trấn B, nên T tiếp cận từ phía sau xe của chị A đồng thời dùng dao kề vào người A la lớn “Cướp đây, xuống xe không tao chém” bị không chế nên A và chị M hoảng sợ xuống xe bỏ chạy thì T vứt bỏ xe 71S5-7289 vừa cướp được, lấy xe biển số 71S4-4300 của chị M điều khiển chạy lên Thành phố Hồ Chí Minh. Khi đến khu vực thuộc xã Long Hiệp, huyện Bến Lức, tỉnh Long An, do xe chết máy nên T vứt bỏ xe ven đường, đến ngày 18/8/2009 thì T ra Công an trình diện.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 xe mô tô hiệu Future, màu sơn bạc – đen, biển số 71S5-7289. Cơ quan điều tra đã xử lý giao trả lại cho ông Ngô Văn C.
- 01 xe mô tô màu sơn đen hiệu SPACY, biển số 71S4-4300. Cơ quan điều tra đã xử lý giao trả lại cho chị Nguyễn Tú A.
- 01 con dao cán bằng gỗ dài 10cm, có lưỡi màu trắng dài 15cm, rộng 10cm, chưa xử lý.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 35/KL.ĐGTS ngày 20/10/2009, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Ba Tri kết luận: 01 xe mô tô hiệu Future, biển số 71S5-7289, giá trị sử dụng còn lại là 16.800.000đ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 23/KL.ĐGTS ngày 10/9/2009, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Ba Tri kết luận: 01 xe mô tô hiệu Spacy, màu đen, biển số 71S4-4300, giá trị sử dụng còn lại là 14.750.000đ.

Tại Biên bản giám định y khoa số 02/GĐYK-XĐBHN ngày 14/12/2022, Hội đồng giám định y khoa Sở y tế tỉnh Bến Tre kết luận: Hồ Thành T được xác định HIV (+) dương tính, giai đoạn lâm sàng 2, chưa đủ cơ sở kết luận bệnh hiểm nghèo.

Tại bản Cáo trạng số 34/CT-VKSBT ngày 10/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Hồ Thành T về tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bố bị cáo Hồ Thành T phạm tội “Cướp tài sản” đồng thời đề nghị:

- a) Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 133; điểm b, p, khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật Hình sự 1999. Đề nghị xử phạt bị cáo Hồ Thành T từ 07 năm đến 09 năm tù.

b) Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 con dao cán bằng gỗ dài 10cm, lưỡi dài 15cm, rộng 10cm do là công cụ phạm tội và không còn giá trị sử dụng. Đồng thời, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu nhận lại.

c) Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ba Tri đã xử lý giao trả tài sản là 02 xe mô tô cho ông Ngô Văn Châu và chị Nguyễn Tú A, ghi nhận phía bị cáo đã bồi thường 3.000.000đ cho chị A và chị A không có yêu cầu bồi thường gì thêm.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Hồ Thành T đã khai nhận toàn bộ hành vi cướp xe mô tô biển số 71S5 – 7289 của ông Ngô Văn C và xe mô tô biển số 71S4-4300 của chị Nguyễn Tú A với diễn biến sự việc như Cáo trạng đã nêu. Bị cáo xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại Ngô Văn C và Nguyễn Tú A đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, đồng thời chị A đã nhận số tiền bồi thường 3.000.000đ từ bị cáo nên hai bị hại không có yêu cầu bị cáo bồi thường thêm. Về trách nhiệm hình sự, các bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Thị L không có yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 3.000.000đ mà bà L đã thay bị cáo bồi thường cho chị A và cũng không yêu cầu nhận lại con dao mà bị cáo sử dụng gây án.

Bị cáo nhờ người bào chữa tranh luận thay bị cáo, và không có ý kiến bổ sung cho tranh luận của người bào chữa. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận.

Người bào chữa cho bị cáo thống nhất tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như lời luận tội của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa. Tuy nhiên, người bào chữa phân tích thêm về hoàn cảnh phạm tội của bị cáo phần nào bị ảnh hưởng về tâm lý, có dấu hiệu tâm thần, bệnh HIV, làm tương nhiều vấn đề bất lợi cho bản thân. Khi hậu quả xảy ra, bị cáo cũng đã tác động mẹ ruột bồi thường thiệt hại cho bị hại. Gia đình bị cáo có người thân có công với cách mạng. Vì vậy, mong HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo cũng đủ răn đe đồng thời để bị cáo có thể sớm về với gia đình, phụng dưỡng cha mẹ già, sống có ích cho xã hội.

Kiểm sát viên tranh luận: Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận nên Kiểm sát viên không có ý tranh luận đối đáp. Đối với tranh luận của người bào chữa cho bị cáo, Kiểm sát viên tranh luận đối đáp như sau: Đối với nội dung của người bào chữa đề nghị xem xét hoàn cảnh phạm tội của bị cáo do bị rối loạn về tâm lý thì đây không phải là bệnh bị

hạn chế khả năng nhận thức hoặc điều khiển hành vi mà là một chuỗi thời gian dài do chính bản thân bị cáo sử dụng ma túy, rượu gây ra và tại tòa bị cáo và người bào chữa cho bị cáo không có tài liệu, chứng cứ chứng minh có kết luận bị cáo hạn chế khả năng nhận thức hoặc điều khiển hành vi tại thời điểm bị cáo gây án nên đề nghị HĐXX không chấp nhận nội dung này. Đối với yêu cầu áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo, khi lượng hình Kiểm sát viên đã cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo đề nghị mức án thấp nhất của khung hình phạt là từ 07 năm đến 09 năm đối với bị cáo, trong khi đó bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng với hai tình tiết định khung và một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Hành vi của bị cáo bị truy tố khung hình phạt cao nhất đến 15 năm tù. Do đó, đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu của người bào chữa cho bị cáo.

Qua tranh luận, các bên giữ nguyên quan điểm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo là Luật sư Đồng Hải Đ vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị hại Ngô Văn C vắng mặt, có yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị hại Nguyễn Tú A vắng mặt. Người làm chứng Nguyễn Nguyên B, Phạm Hồng H và Phạm Viết H vắng mặt. Tuy nhiên, bị hại và những người làm chứng đã có lời khai rõ trong quá trình điều tra, đồng thời bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, những người tham gia tố tụng và những người tiến hành tố tụng khác không có ý kiến gì về việc vắng mặt của những người nêu trên. Căn cứ vào Điều 291, 292 và 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người nêu trên trong vụ án.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Ba Tri, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa, lời khai nhận của bị cáo Hồ Thành T là phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng những tài liệu, chứng cứ khác do cơ quan điều tra thu thập trong quá trình điều

tra vụ án. Đã đủ cơ sở xác định: Do động cơ tư lợi bất chính, nên Hồ Thành T mặc dù đang có tiền án về tội rất nghiêm trọng do cố ý chưa được xóa án tích nhưng đã có hành vi dùng dao là vũ khí nguy hiểm cướp 02 xe mô tô tổng trị giá 31.550.000đ của ông Ngô Văn C và chị Nguyễn Tú A; vụ việc xảy ra vào khoảng 23 giờ và khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày 17/8/2009 tại khu phố 2, thị trấn B và ấp AL, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Hồ Thành T về tội “Cướp tài sản” với tình tiết định khung là “tái phạm nguy hiểm” và “sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm khác” quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999 là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi cướp tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ. Khi thực hiện hành vi, bị cáo là người đủ tuổi, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo đã nhận thức và hoàn toàn ý thức được việc cướp tài sản của người khác là sai trái, là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện và hậu quả xảy ra là đúng như bị cáo mong muốn. Nguyên nhân dẫn đến việc phạm tội của bị cáo là do bản tính tham lam, tư lợi bất chính, mà không phải lao động, sản xuất cuối cùng đã đưa bị cáo đi vào con đường phạm tội. Việc làm của bị cáo không những vi phạm pháp luật mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang, lo sợ trong quần chúng nhân dân. Bị cáo đang có tiền án về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” nhưng sau khi chấp hành xong hình phạt, bị cáo đã không biết cải sửa bản thân mà lại tiếp tục phạm tội mới với tính chất ngày càng nghiêm trọng hơn. Điều đó cho thấy bị cáo là người rất khó cải tạo, giáo dục nên việc đưa bị cáo ra xét xử là cần thiết và HĐXX xét thấy cần xử lý bị cáo bằng hình phạt tù giam mới đủ sức răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo thành người tốt, có ích cho xã hội, đồng thời cũng nhằm răn đe phòng ngừa chung.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thực hiện 02 vụ cướp tài sản của ông Ngô Văn C và chị Nguyễn Tú A nên bị cáo đã phạm vào tình tiết tăng nặng là “Phạm tội nhiều lần” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại Nguyễn Tú A. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo. Sau khi vụ án xảy ra, bị cáo tỏ ra ăn năn hối cải nên đã đến Chùa Vạn Phước tại huyện Bình Đại để tu tập làm công hỏa, sau khi gây án bị cáo đã đến Cơ quan chức năng khai báo sự việc nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là đầu thú. Ngoài ra, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, gia

đình bị cáo có người thân có công với cách mạng vì vậy bị cáo được hưởng những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Vì vậy, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát và lời bào chữa của người bào chữa cho bị cáo về áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận. HĐXX sẽ xem xét các tình tiết nêu trên để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình. Riêng đối với nội dung người bào chữa đề nghị HĐXX áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 đối với bị cáo là không phù hợp với quy định pháp luật nên không được HĐXX chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

- Các bị hại đã nhận lại tài sản, bị hại Nguyễn Tú A đã nhận số tiền bồi thường 3.000.000đ và các bị hại không có yêu cầu bồi thường thêm nên được HĐXX ghi nhận.

- Bà Võ Thị L không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 3.000.000đ nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 con dao cán bằng gỗ dài 10cm, lưỡi dài 15cm, rộng 10cm do là công cụ phạm tội và không còn giá trị sử dụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu nhận lại nên sẽ bị tịch thu tiêu hủy.

- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ba Tri đã xử lý giao trả xe mô tô biển số 71S5- 7289 cho ông Ngô Văn C và giao trả xe mô tô biển số 71S4-4300 cho chị Nguyễn Tú A là phù hợp với quy định pháp luật nên được HĐXX ghi nhận.

[9] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Hồ Thành T phạm “Tội cướp tài sản”.

2. Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ điểm c, d khoản 2 Điều 133; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật Hình sự năm 1999;

Xử phạt bị cáo Hồ Thành T 07 (Bảy) năm tù.

Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận ông Ngô Văn C và chị Nguyễn Tú A không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm khoản tiền nào khác.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 con dao cán bằng gỗ dài 10cm, lưỡi dài 15cm, rộng 10cm.

(Theo phiếu nhập kho số NKTV.28 ngày 16/8/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri)

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14;

Buộc bị cáo Hồ Thành T nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt theo quy định pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

* Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Các đương sự;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Công an huyện Ba Tri;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre;
- [UBND TT. Ba Tri](#) (Ba Tri, Bến Tre);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Tấn Tài